

Số: **67** /KL-TTr

Hà Nội, ngày **19** tháng **4** năm 2024

**KẾT LUẬN THANH TRA**  
**Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động**  
**tại Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì**

Thực hiện Quyết định số 99/QĐ-TTr ngày 27/02/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì, ngày 19/3/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại trụ sở của Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì. Thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra;

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 05/4/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP**

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì (sau đây gọi là doanh nghiệp).
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600108217, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, đăng ký lần đầu ngày 04/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 15/11/2022.
- Trụ sở chính của doanh nghiệp: phố Sông Thao, phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: sản xuất hóa chất cơ bản; bán buôn hóa chất; sản xuất máy móc thiết bị hóa chất.
- Cơ cấu tổ chức sản xuất của doanh nghiệp: Hội đồng quản trị (5 người), Ban kiểm soát (3 người), Ban Tổng giám đốc (3 người); 06 phòng chức năng; 04 nhà máy sản xuất hóa chất (nhà máy hóa chất 1, nhà máy hóa chất 2, nhà máy hóa nước 1 và nhà máy hóa nước 2) và 01 xưởng phụ trợ (xưởng cơ điện).
- Điện thoại giao dịch: 0210 3911696; Fax: 0210 3911512.
- Các tài khoản giao dịch:
  - + Tài khoản số 113000012434 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương.
  - + Tài khoản số 0801000026868 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ.
  - + Tài khoản số 42810000121087 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương.
- Tổ chức công đoàn cơ sở: đã thành lập.
- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp (số liệu tại thời điểm thanh tra): 350 người, trong đó lao động nữ: 100 người.
- Tình hình sản xuất kinh doanh (số liệu theo báo cáo của doanh nghiệp):



Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024
		Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
1	Tổng giá trị tài sản	569.663	688.404	815.255	754.639	662.576
2	Tổng nguồn vốn kinh doanh	569.663	688.404	815.255	754.639	662.576
3	Tổng doanh thu	858.000	1.387.862	1.347.000	1.272.918	1.441.000
4	Tổng chi phí	778.000	1.166.507	1.182.677	1.187.116	1.335.000
5	Quỹ lương	55.308	61.545	64.628	65.372	68.145
6	Lợi nhuận	80.000	221.355	164.323	85.802	106.000
7	Nộp NSNN	45.114	80.365	88.063	53.386	52.800

## II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

### 1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

### 2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Khi có nhu cầu tuyển dụng người lao động, doanh nghiệp thông báo trên website của doanh nghiệp, trên các trang tuyển dụng mywork, topcv. Doanh nghiệp trực tiếp phỏng vấn và tuyển dụng người lao động ứng tuyển.

- Không thu phí tuyển dụng người lao động.

- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động hàng năm.

- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp ký hợp đồng học nghề, tập nghề với 25 người để làm việc cho doanh nghiệp, thời gian học nghề, tập nghề là 01 tháng.

### 3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động

- Tại thời điểm thanh tra:

+ Số người không thuộc diện phải ký hợp đồng lao động: 05 người (Tổng giám đốc, 02 Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng ban kiểm soát).

+ Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 345 người.

+ Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 345 người, trong đó: hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 271 người; hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 03 tháng đến 36 tháng: 74 người.

+ Số người lao động thuê lại: không.

+ Ký hợp đồng lao động đối với người lao động được thuê làm giám đốc trong doanh nghiệp: không.



- Nội dung hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động thỏa thuận mục công việc phải làm ghi “thực hiện theo đúng chức danh, chuyên môn, nhiệm vụ được giao, các công việc khác theo sự điều hành của lãnh đạo đơn vị”.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có người lao động bị mất việc làm.

- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp có 7 lao động thôi việc. Doanh nghiệp đã trả trợ cấp thôi việc cho 7 người lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc với tổng số tiền là 101.900.000 đồng.

#### **4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thỏa ước lao động tập thể**

- Đã tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc theo quy định; không phát sinh đối thoại đột xuất.

- Đã ký kết thỏa ước lao động tập thể năm 2022 có thời hạn 03 năm. Hồ sơ thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng theo quy định.

- Thỏa ước lao động có một số thỏa thuận có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật lao động, cụ thể: tổ chức thăm quan du lịch, thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ, tặng quà nhân dịp các ngày lễ, tết, mua bảo hiểm kết hợp con người 3 điều kiện, trợ cấp khó khăn đột xuất.

- Đã thực hiện các nội dung thỏa thuận trong thỏa ước lao động tập thể.

- Thỏa ước lao động tập thể đã được gửi đến Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ.

- Đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở tại doanh nghiệp theo Quyết định số 146a/QĐ-HCVT ngày 08/8/2023 của Tổng giám đốc.

#### **5. Tiền lương và trả công lao động**

##### **5.1. Công tác quản lý tiền lương và thu nhập của người lao động**

##### **5.1.1. Việc xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động**

- Đã xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động (Quyết định số 19/2023/QĐ-HCVT ngày 20/9/2023 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị) và có ý kiến tham gia của tổ chức công đoàn cơ sở.

- Hệ số lương bình quân (HSLBQ) theo thang, bảng lương hoặc mức lương bình quân (MLBQ):

Nội dung	Năm 2022		Năm 2023	
	Số lao động	MLBQ	Số lao động	MLBQ
Lao động quản lý	18	9.827.000	14	11.455.700
Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	31	6.308.000	36	7.214.200



Công nhân trực tiếp SXKD	316	6.448.200	317	7.399.400
Nhân viên thừa hành, phục vụ	25	6.257.300	23	7.147.600
<b>Tổng số</b>	<b>390</b>		<b>390</b>	

- Hệ số phụ cấp lương bình quân (HSPCLBQ), mức phụ cấp bình quân (MPCBQ):

Các loại phụ cấp	Năm 2022		Năm 2023	
	Số người	MPCBQ	Số người	MPCBQ
Chức vụ	18	3.261.000	14	3.285.700
Trách nhiệm	6	1.333.300	7	1.214.300
Độc hại, nguy hiểm	316	396.300	317	395.900
Thu hút	02	3.000.000	02	3.000.000
<b>Tổng số</b>	<b>342</b>	<b>578.739</b>	<b>340</b>	<b>547.060</b>

#### 5.1.2. Quỹ tiền lương và thực hiện phân phối quỹ tiền lương

- Người đại diện vốn nhà nước đã thực hiện xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu về các nội dung gồm: quỹ tiền lương thực hiện, quỹ tiền lương kế hoạch hằng năm của người lao động và được Tập đoàn Hóa chất Việt Nam chấp thuận bằng văn bản (Công văn số 48/HCVT-HCTH ngày 09/02/2023 của doanh nghiệp, Công văn số 240/HCVN-TCNS ngày 28/2/2023 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam; Công văn số 727/HCVT-HCTH ngày 25/01/2024 của doanh nghiệp).

- Việc xây dựng và phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của người lao động hằng năm:

+ Năm 2022: quỹ tiền lương kế hoạch là 53,256 tỷ đồng (theo Quyết định số 305/QĐ-HCVN ngày 29/12/2021 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam); quỹ tiền lương thực hiện là 59,083 tỷ đồng (theo Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐQT ngày 24/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông).

+ Năm 2023: quỹ tiền lương kế hoạch là 62,168 tỷ đồng (theo Quyết định số 74/QĐ-HCVN ngày 31/3/2023 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam); chưa phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện.

- Việc xây dựng quy chế trả lương, quy chế thưởng:

+ Quy chế trả lương:

\* Từ năm 2018 – 19/9/2023: doanh nghiệp áp dụng quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng áp dụng chung cho cả người lao động và người quản lý (Quy chế số 05/QCLT-HCVT ngày 26/7/2018), có ý kiến của tổ chức công đoàn cơ sở.

\* Từ ngày 20/9/2023 đến nay: doanh nghiệp áp dụng quy chế trả lương cho người lao động, người quản lý theo Quyết định số 19/2023/QĐ-HĐQT ngày 20/9/2023 của Hội đồng Quản trị, có lấy ý kiến của tổ chức công đoàn cơ sở;

+ Quy chế thưởng: áp dụng theo Quy chế số 05/QCLT-HCVT ngày 26/7/2018 của Hội đồng quản trị.

+ Quy chế số 05/QCLT-HCVT và Quyết định số 19/2023/QĐ-HĐQT quy định: “quỹ tiền lương dùng để trả lương, trả thưởng từ quỹ lương của người lao



động làm việc tại công ty; phân bổ quỹ tiền lương người lao động: tạm ứng 80% chi trả lương, 20% còn lại căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và lợi nhuận để chi tiền thưởng tháng, quý, năm và các dịp nghỉ Lễ, Tết cho người lao động”.

- Việc quyết toán quỹ tiền lương thực hiện đối với người lao động: căn cứ kết quả phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện và quy chế quản lý lao động và phân phối thu nhập, doanh nghiệp quyết toán tiền lương cho người lao động.

+ Năng suất lao động kế hoạch bình quân năm 2022 là 441 triệu/người/năm, năng suất lao động thực hiện bình quân năm 2022 là 512 triệu/người/năm, bằng 116,09% năng suất lao động kế hoạch bình quân.

+ Tiền lương kế hoạch bình quân năm 2022 là 11,1 triệu đồng/người/tháng, tiền lương thực hiện bình quân năm 2022 là 12,62 triệu đồng/người/tháng, bằng 113,79 % tiền lương kế hoạch bình quân.

+ Năng suất lao động kế hoạch bình quân năm 2023 là 545 tấn/người/năm

+ Tiền lương kế hoạch bình quân năm 2023 là 13,28 triệu đồng/người/tháng.

- Doanh nghiệp gộp quỹ lương, thưởng chung của người quản lý và người lao động và thực hiện chi tiền lương và tiền thưởng của người quản lý vượt quá số quỹ lương, thưởng của người quản lý được duyệt, cụ thể: năm 2022 chi vượt 171.323.058 đồng; năm 2023 vượt 339.562.300 đồng (*phụ lục kèm theo*).

- Sử dụng quỹ lương của người lao động chi ủng hộ quỹ an sinh xã hội: năm 2022 là 50.000.000 đồng, năm 2023 là 50.000.000 đồng.

- Sử dụng quỹ lương của người lao động chi thưởng và quà tết cho người ngoài doanh nghiệp năm 2022 là 13.000.000 đồng.

- Đã trả tiền lương làm việc vào ban đêm, làm việc vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định.

- Đã trả lương những ngày chưa nghỉ hàng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm cho người lao động thôi việc.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh

- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động: không phát sinh việc khấu trừ trái quy định.

### 5.1.3. Các khoản thu nhập khác

- Tiền ăn ca: doanh nghiệp thực hiện hỗ trợ tiền ăn ca mức 68.000 đồng/người/bữa ăn (trong đó, tổ chức bữa ăn với mức 28.000 đồng/suất, số còn lại chi vào tiền lương hàng tháng cho người lao động).

- Các khoản phụ cấp khác (nếu có): hỗ trợ cho lao động nữ 200.000 đồng/người/tháng; hỗ trợ cho lao động nữ có con nhỏ dưới 6 tuổi 200.000 đồng/cháu/tháng.

- Thu nhập bình quân:

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Năm 2022			Năm 2023		
		Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
1	Thu nhập lương	29,8	6,5	4,4	29,8	7,5	6,2



2	Phụ cấp	4	0,5	0,3	4	0,5	0,3
3	Tổng thu nhập	33,8	7	4,7	33,8	8	6,5

### 5.2.1. Tiền lương

- Tại thời điểm thanh tra, số lượng cán bộ quản lý chuyên trách: 05 người (Tổng Giám đốc, 2 Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng Ban kiểm soát).

- Tại thời điểm thanh tra, số người quản lý không chuyên trách: 07 người (05 thành viên Hội đồng quản trị, 02 thành viên Ban kiểm soát).

- Đã báo cáo quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý với đại diện chủ sở hữu.

- Đã xin ý kiến của người đại diện phần vốn nhà nước đối với cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý.

- Đã xây dựng riêng quỹ tiền lương, quỹ thù lao của người quản lý.

+ Năm 2022: quỹ tiền lương kế hoạch là 2,052 tỷ đồng (theo Quyết định số 305/QĐ-HCVN ngày 29/12/2021 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam); quỹ tiền lương thực hiện là 2,462 tỷ đồng (theo Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐQT ngày 24/2023 của Đại hội đồng cổ đông).

+ Năm 2023: quỹ tiền lương kế hoạch là 2,46 tỷ đồng (theo Quyết định số 74/QĐ-HCVN ngày 31/3/2023 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam).

- Tiền lương thực hiện của người quản lý như sau:

TT	Chức danh	Tiền lương (triệu đồng/tháng)	
		Năm 2022	Năm 2023
1	Tổng Giám đốc	69,8	75,8
2	Phó Tổng Giám đốc	50,9	50,6
3	Phó Tổng Giám đốc	45,3	47,4
4	Kế toán trưởng	40,4	40,2
5	Trưởng Ban Kiểm soát	21,9	22,4

- Thù lao của người quản lý không chuyên trách: doanh nghiệp đã xây dựng quỹ thù lao của người quản lý và được Đại hội đồng cổ đông thông qua, doanh nghiệp chi thù lao của người quản lý không chuyên trách theo đúng mức đã được phê duyệt.

Phân phối tiền thù lao thực hiện của người quản lý (theo Nghị quyết số 61/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2022, số 18/2023/ĐHĐCĐ ngày 24/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông về chi thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm

soát năm 2022, 2023 và Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐQT ngày 14/4/2023, số 17/NQ-HĐQT ngày 11/3/2024 của Hội đồng Quản trị về chi trả thù lao cho Thư ký doanh nghiệp năm 2022, 2023) như sau:

TT	Chức danh	Thù lao (triệu đồng/người/tháng)	
		Năm 2022	Năm 2023
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 24/4/2024)	5	5
2	Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm từ 24/4/2023)	0	5
3	Thành viên Hội đồng quản trị (bổ nhiệm từ 24/4/2023)	0	3
4	Thành viên Hội đồng quản trị	3	3
5	Thành viên Hội đồng quản trị	3	3
6	Thành viên Hội đồng quản trị	3	3
7	Thành viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 24/4/2024)	3	3
8	Kiểm soát viên	3	3
9	Kiểm soát viên	3	3
10	Thư ký	3	3

#### 5.2.2. Tiền thưởng

- Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng của người quản lý: Quỹ khen thưởng năm 2022 là 307,75 triệu đồng theo Nghị quyết số 18/2023/ĐHĐCĐ ngày 24/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông; năm 2023 chưa phê duyệt tiền thưởng.

- Phân phối tiền thưởng cụ thể đối với từng chức danh:

TT	Chức danh	Tiền thưởng (triệu đồng/tháng)	
		Năm 2022	Năm 2023
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	4,3	Chưa chi
2	Tổng giám đốc	4,3	
3	Phó Tổng giám đốc	2,6	
4	Thành viên Hội đồng quản trị	2,4	
5	Thành viên Hội đồng quản trị	2,4	
6	Phó Tổng giám đốc	2,2	
7	Kế toán trưởng	2	
8	Trưởng Ban kiểm soát	2	



9	Thành viên Ban kiểm soát	1,7	
10	Thành viên Ban kiểm soát	1,7	

- Chưa xây dựng quy chế thù lao đối với người quản lý theo quy định.

5.2.3. *Thu nhập khác*: không

### **5.3. Trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp**

- Đã tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên để đưa các nội dung quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng vào điều lệ tổ chức hoạt động hoặc các quy chế của doanh nghiệp; tham gia biểu quyết để quyết định các nội dung cụ thể về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp.

- Đã báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về kế hoạch lao động; quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của người lao động, tiền thưởng của người lao động; quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của người quản lý, thù lao và tiền thưởng của người quản lý trước khi có ý kiến với hội đồng quản trị.

- Đã báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về tình hình thực hiện tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của năm trước và kế hoạch của năm tiếp theo sau khi được đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị thông qua.

- Đã báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước kết quả giám sát chung về thực hiện lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp làm căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với người đại diện phần vốn nhà nước.

### **6. Thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi**

- Doanh nghiệp áp dụng thời gian làm việc theo giờ hành chính 8 giờ/ngày, 40 giờ/tuần đối với khối văn phòng (nghỉ ngày thứ bảy và chủ nhật); 8 giờ/ngày và 42 giờ/tuần đối với bộ phận trực tiếp sản xuất thực hiện làm việc 3 ca 4 kíp.

- Huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ làm thêm theo quy định.

- Đã bố trí cho người lao động được nghỉ bình quân 01 tháng ít nhất 04 ngày.

- Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

- Đã bố trí 12 ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc bình thường, 14 ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; 16 ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (chưa tính thâm niên).

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: nghỉ 02 đợt/ca, mỗi đợt 10 phút.

### **7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất**

- Người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động là Tổng giám đốc doanh nghiệp.



- Đã xây dựng nội quy lao động và đăng ký với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không phát sinh vụ việc xử lý kỷ luật lao động.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

## **8. Lao động đặc thù**

### **8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ**

- Tổng số lao động nữ: 100 người.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Không sử dụng lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

+ Lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi được nghỉ 60 phút/ngày làm việc

+ Lao động nữ trong thời gian hành kinh được nghỉ 30 phút/ngày làm việc.

+ Không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.

+ Bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

+ Đã thực hiện hỗ trợ chi phí gửi trẻ với mức 200.000 đồng/cháu/tháng.

### **8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài, lao động là người khuyết tật và người lao động cao tuổi**

Trong kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài, lao động là người khuyết tật và người lao động cao tuổi.

## **9. Khiếu nại, tranh chấp lao động**

Trong kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

## **10. An toàn lao động, vệ sinh lao động**

- Đã phân loại 248 người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (trong đó loại IV: 201 người, loại V: 47 người) để thực hiện chế độ liên quan; đã ghi đúng chức danh công việc trong sổ bảo hiểm xã hội.

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hàng năm đủ các nội dung theo quy định.

- Đã bố trí 02 người có trình độ đại học chuyên ngành hóa làm công tác an toàn, môi trường, trong đó 01 người làm việc theo chế độ chuyên trách về an toàn lao động.



- Đã bố trí 03 người trình độ y sỹ làm công tác y tế chuyên trách và ký hợp đồng số 12/2023/BVXD-HĐNT ngày 31/5/2023 với Bệnh viện Xây dựng Việt Trì để làm công tác y tế và cấp cứu tại doanh nghiệp.

- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên tại các nhà máy sản xuất, tổng số 36 người (Quyết định số/QĐ-HCVT ngày 12/4/2022 của Tổng giám đốc doanh nghiệp). An toàn, vệ sinh viên là tổ trưởng công đoàn, đã hưởng phụ cấp tổ trưởng công đoàn mức 100.000đ/người/tháng.

- Tổng số các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng: 307 thiết bị (27 thiết bị chịu áp lực, 15 thiết bị nâng, 240 áp kế, 17 van an toàn; 08 bồn chứa axit sunfuric). Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị và còn hạn kiểm định. Có lập sổ theo dõi thời hạn kiểm định đối với thiết bị, tuy nhiên.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp đã thuê các tổ chức dịch vụ huấn luyện đủ điều kiện huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người sử dụng lao động và người lao động (đối tượng nhóm 1 và 2 có giấy chứng nhận kết quả huấn luyện và sổ theo dõi huấn luyện); đối tượng nhóm 3 đã được người sử dụng lao động cấp thẻ an toàn lao động.

- Đã ban hành tiêu chuẩn định mức trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động và cấp đủ cho người lao động. Sổ theo dõi cấp phát, có chữ ký nhận của người lao động theo quy định.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp đã thực hiện quan trắc môi trường lao động 01 lần/năm. Kết quả năm 2022 quan trắc 159 mẫu đều đạt tiêu chuẩn vệ sinh; năm 2023 quan trắc 177 mẫu, trong đó 02 không đạt tiêu chuẩn cho phép (tiếng ồn).

- Đã thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật (sữa tươi) cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại đúng mức quy định.

- Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp xảy ra 03 vụ tai nạn giao thông trên đường từ nơi làm việc về nơi ở làm 03 người bị thương nặng; không xảy ra tai nạn lao động. Doanh nghiệp đã tổ chức điều tra và giải quyết chế độ liên quan.

- Đã trang bị 05 túi sơ cứu, đặt tại khu vực sản xuất đủ thiết bị, dụng cụ phục vụ sơ cứu, cấp cứu theo quy định.

- Hằng năm, doanh nghiệp đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động, lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản, người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đã được khám 06 tháng/lần.

### **11. Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp**

- Tại thời điểm thanh tra, số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 331 người.

+ Số người đã tham gia: 331 người.

+ Số người chưa tham gia: 0 người.

- Tại thời điểm thanh tra, số người không thuộc đối tượng phải tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: 19 người đang hưởng chế



độ hưu trí. Doanh nghiệp đã trả khoản tiền tương đương với mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế vào cùng kỳ trả lương cho người lao động.

- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương ghi trong hợp đồng lao động và các khoản phụ cấp.

- Số tiền phải đóng cho cơ quan bảo hiểm xã hội tháng 02/2024: 8.737.44.000 đồng. Số tiền chậm đóng: 0 đồng.

### III. KẾT LUẬN

#### 1. Những quy định của pháp luật về lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.3. Đã giao kết hợp đồng lao động đối với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.4. Đã trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc.

1.5. Đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động tại nơi làm việc.

1.6. Đã ký và gửi thỏa ước lao động tập thể đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ. Đã thực hiện các nội dung theo thỏa ước lao động tập thể đã ký kết. Nội dung thỏa ước lao động có thỏa thuận nội dung có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật.

1.7. Đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

1.8. Đã xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động.

1.9. Đã trả tiền lương làm việc vào ban đêm, ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định.

1.10. Đã thực hiện quy định về ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động tại doanh nghiệp.

1.11. Đã tổ chức bữa ăn ca cho người lao động.

1.12. Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm về lao động.

1.13. Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

1.14. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh.

1.15. Doanh nghiệp không xử lý kỷ luật lao động; không phạt tiền, trừ lương thay việc xử lý kỷ luật lao động.

1.16. Tại doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.



1.17. Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm đủ các nội dung theo quy định.

1.18. Đã bố trí bộ phận làm công tác an toàn, vệ sinh lao động và bộ phận làm công tác y tế theo quy định.

1.19. Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

1.20. Đã thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định.

1.21. Đã trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.22. Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động.

1.23. Đã thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại.

1.24. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

1.25. Đã khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động theo quy định; lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản.

1.26. Đã thực hiện quan trắc môi trường lao động theo quy định.

1.27. Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho 331 người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.

1.28. Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã trích đóng đầy đủ tiền bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

## **2. Những quy định của pháp luật về lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ**

2.1. Nội dung hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động thỏa thuận mục công việc phải làm ghi “thực hiện theo đúng chức danh, chuyên môn, nhiệm vụ được giao, các công việc khác theo sự điều hành của lãnh đạo đơn vị” là chưa đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động; Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.2. Hồ sơ thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng là không đúng quy định tại Điều 70 Bộ luật Lao động.

2.3. Quy chế trả lương, thưởng của doanh nghiệp quy định “quỹ tiền lương dùng để trả lương, trả thưởng từ quỹ lương của người lao động làm việc tại công ty; phân bổ quỹ tiền lương người lao động: tạm ứng 80% chi trả lương, 20% còn lại căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và lợi nhuận để chi tiền thưởng tháng, quý, năm và các dịp nghỉ Lễ, Tết cho người lao động” là chưa đúng quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của



Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

2.4. Chưa xây dựng quy chế trả thù lao đối với người quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.5. Sử dụng quỹ tiền lương của người lao động để chi cho người quản lý (năm 2022: 171.323.058 đồng; năm 2023: 339.562.300 đồng) là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2.6. Sử dụng quỹ tiền lương vào mục đích khác (chi ủng hộ quỹ an sinh xã hội: năm 2022 là 50.000.000 đồng, năm 2023 là 50.000.000 đồng; chi thưởng và quà tết cho người ngoài doanh nghiệp năm 2022 là 13.000.000 đồng) là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.7. Doanh nghiệp đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động với mức 68.000 đồng/người/ngày là vượt quá mức chi tối đa theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

#### **IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG**

Không.

#### **V. HẠN CHẾ, BẮT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC**

Không.

#### **VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ**

##### **1. Đối với doanh nghiệp**

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện các nội dung sau:

1.1. Khắc phục các sai phạm nêu tại khoản 2 Mục III của Kết luận thanh tra như sau:

- Khắc phục sai phạm nêu tại điểm 2.2 khi phát sinh.

- Đối với sai phạm nêu tại điểm 2.3: hủy quy định về lấy quỹ lương của người lao động để chi thưởng cho người lao động tại quy chế trả lương, thưởng ban hành tại Quyết định số 19/2023/QĐ-HĐQT ngày 20/9/2023 và Quyết định số 05/QCLT-HCVT ngày 26/7/2018 của Hội đồng quản trị. Doanh nghiệp thực hiện hạch toán lại quỹ tiền lương theo quy định đảm bảo không sử dụng quỹ tiền lương của người lao động vào mục đích khác. Doanh nghiệp phải thực hiện khắc phục vi phạm xong trước ngày 30/4/2024.

- Đối với sai phạm nêu tại điểm 2.5 và 2.6: thu hồi số tiền đã chi cho người quản lý (năm 2022: 171.323.058 đồng; năm 2023: 339.562.300 đồng) và sử dụng quỹ tiền lương vào mục đích khác (chi ủng hộ quỹ an sinh xã hội: năm 2022 là



50.000.000 đồng, năm 2023 là 50.000.000 đồng; chi thưởng và quà tết cho người ngoài doanh nghiệp năm 2022 là 13.000.000 đồng) về quỹ lương của người lao động và sử dụng đúng mục đích theo quy định. Doanh nghiệp phải thực hiện khắc phục vi phạm xong trước ngày 30/5/2024.

- Khắc phục các sai phạm còn lại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra này.

1.2. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở của doanh nghiệp ít nhất 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

1.3. Doanh nghiệp báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh đến Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 30/5/2024.

## 2. Đối với Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

- Chỉ đạo, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện kiến nghị, khắc phục sai phạm nêu tại điểm 2.3, 2.5 và 2.6 khoản 2 Mục III của Kết luận thanh tra này.

- Chỉ đạo làm rõ trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân có liên quan để xảy ra sai phạm nêu tại Kết luận thanh tra này và có biện pháp xử lý theo thẩm quyền, thông báo kết quả về Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 30/5/2024./.

Nơi nhận: *lưu*

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH (để báo cáo);
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (để t/h);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Hồ sơ TTr.

KT. CHÁNH THANH TRA  
PHÓ CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Thị Hồng Diệp

